

20 NĂM ĐIỀU TRA NGUỒN LỢI THỦY SẢN NƯỚC NGỌT Ở CÁC TỈNH PHÍA BẮC VIỆT-NAM

HÀ KÝ

« Phát triển mạnh nghề nuôi cá, nuôi tôm trên các mặt nước ở cả đồng bằng, trung du, miền núi và ven biển ».

Trích Nghị quyết Hội nghị lần thứ II
Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV)

GIỐNG loài thủy sản ở nước ta rất phong phú: có hơn 200 loài cá nước ngọt, trong đó có nhiều loài có giá trị kinh tế. Đặc sản cũng có nhiều loài (như tôm, cua, ếch, lươn, ba ba...) có khả năng xuất khẩu. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, chỉ riêng các tỉnh phía bắc nước ta, diện tích nuôi thủy sản nước ngọt đã có khoảng 42 000 ha ao đầm, hơn 60 000 ha ruộng trũng, khoảng 120 000 ha mặt nước lớn, với trên 102 dòng sông lớn nhỏ dài hàng chục nghìn kilômét. Khả năng phát triển thủy sản nước ngọt của ta rất lớn.

Các giống loài thủy sản của nước ta chịu ảnh hưởng của những qui luật vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, phức tạp cần được điều tra và nghiên cứu kỹ để đẩy mạnh sản xuất thủy sản và góp phần xây dựng li luận chung về sinh vật học nhiệt đới.

Hiện nay năng suất thủy sản nói chung còn quá thấp, chưa ổn định, trong đó có nguyên nhân của điều tra cơ bản làm còn ít, chưa có được những số liệu khoa học vững chắc, những kết luận chính xác để góp phần vào việc nâng cao năng suất trong các thủy vực.

Trong nhiều văn bản của Đảng và Chính phủ đã đặt mạnh công tác điều tra cơ bản để phát triển thủy sản. Để thực hiện nhiệm vụ to lớn này, riêng về công tác điều tra cơ bản nguồn lợi thủy sản nước ngọt cần được tiến hành một cách toàn diện, có hệ thống, ở các thủy vực khác nhau, nhằm nắm vững khả năng nguồn lợi, các qui luật phát triển sinh vật thủy sản, làm cơ sở cho việc phân vùng kinh tế, qui hoạch nuôi, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản một cách hợp lý. Kết quả công tác điều tra còn giúp cho việc xác định phương hướng nghiên cứu và phát triển nghề thủy sản nước ngọt một cách căn cứ, có kế hoạch vững chắc và khoa học, phục vụ cho trước mắt và lâu dài.

Công tác điều tra nguồn lợi thủy sản nước ngọt ở ta thời gian qua có thể chia làm 3 giai đoạn:

Giai đoạn từ 1959 - 1961: chỉ có một tổ công tác nhỏ gồm 7 - 8 người, đều là cán bộ trung cấp, làm công tác điều tra thủy sản theo yêu cầu của Ban Trị thủy sông Hồng với dụng cụ thô sơ.

Giai đoạn từ 1962 - 1970: mục đích của công tác điều tra thủy sản dần dần rõ hơn, nhưng cũng chỉ mới giới hạn trong việc điều tra nguồn lợi, lên qui hoạch nuôi cá cho một số cơ sở địa phương, giải quyết một số khâu vướng mắc trong công tác nghiên cứu. Trong những năm này, lực lượng điều tra có được tăng thêm (lúc cao nhất là 17 người), trang thiết bị được bổ sung dần, phương pháp điều tra có tiến bộ hơn. Đã phối hợp với một số cơ quan như Trường đại học Tổng hợp Hà-nội, Trường đại học Thủy sản... điều tra nhiều mặt nước khác nhau: sông Hồng, sông Lô, sông Đà, sông Năng, sông Lạch-tray, sông Mã, sông Thái-bình, sông Bôi, sông Cầu...; hồ Cầm-li (Quảng-bình), Sơn-dương (Nghệ-an), Cầm-sơn, Khuôn-thần, Đá-ong (Hà-bắc), Thác-bà, Minh-quan (Yên-bái), Văn-trực, Đại-lải, Đầm-dưng (Vĩnh-phú), Ba-bể (Bắc-cạn), Đồng-chanh (Hòa-bình), Thuận-châu (Tây-bắc), hồ Tây (Hà-nội)...; ao Đình-bàng (Hà-bắc), ao Pháp-vân, Yên-duyên (Hà-nội), một số ao ở Sơn-la, Lào-cai, Bắc-thái, Vĩnh-phú, Hà-tây; một số ruộng ở Đình-bàng, Nam-hà, Hải-hung...

Đặc điểm của giai đoạn này là nhận thức chưa đầy đủ về mục đích yêu cầu, phương hướng điều tra, lực lượng điều tra quá ít, dụng cụ phương tiện thiếu thốn, trình độ kiến thức, kinh nghiệm điều tra còn non yếu, nhưng công tác điều tra lại mở ra một diện quá rộng, phân tán ở nhiều điểm, trên nhiều loại mặt nước khác nhau, có nơi thậm chí chỉ điều tra 1 - 2 lần nên số liệu chưa bảo đảm tin cậy, chưa có trọng tâm, trọng điểm, không dứt điểm.

Riêng từ năm 1967 - 1969 do hoàn cảnh chiến tranh nên công tác điều tra thủy sản nước ngọt bị gián đoạn.

Giới đoạn từ 1970 - 1972 :

Năm 1969, Viện nghiên cứu Thủy sản có dự kiến thành lập 1 đoàn điều tra với qui mô 390 cán bộ, điều tra trong 12 năm với số tiền gần 6 triệu đồng. Đến giữa năm 1970, mặc dù Vụ Tổ chức cán bộ có nhiều cố gắng, nhưng cũng chỉ mới cung cấp được hơn 60 cán bộ vừa trung cấp vừa đại học. Số cán bộ này phân lớn yếu về trình độ chuyên môn. Trang thiết bị dụng cụ lại quá thiếu thốn nên không thể triển khai được. Đến tháng 10-1970 có quyết định cho Đoàn điều tra này sáp nhập vào Trạm nghiên cứu Thủy sản nước ngọt Đình-bàng. Qua một thời gian bồi dưỡng nghiệp vụ và tích cực chuẩn bị, Đoàn đã tiến hành điều tra hồ chứa (Thác-bà - Yên-bái, Sông-đa - Hòa-bình, hồ suối Hai - Hà tây, hồ Văn-trục - Vĩnh-phú).

Đặc điểm của giai đoạn này là mục đích yêu cầu và phương hướng điều tra được xác định tương đối rõ ràng hơn, gắn chặt với sản xuất hơn. Phương pháp và dụng cụ điều tra được bổ sung khá hơn trước. Đã bước đầu đi vào trọng tâm, nhằm nắm được qui luật biến đổi sinh vật học trong các thủy vực để từng bước tác động, cải tạo và sử dụng hợp lý, nâng cao năng suất thủy sản.

..

Có thể đánh giá những kết quả đã đạt được trong công tác điều tra nguồn lợi thủy sản nước ngọt vừa qua như sau :

Với những kết quả đã điều tra được, bước đầu có nhận xét: 1) Đặc điểm sinh vật học thủy sản miền bắc nước ta thể hiện tương đối rõ tính chất nhiệt đới, có nhiều điểm khác với thủy sản ở những vùng phương bắc, ta có thể lợi dụng một cách hợp lý để đẩy mạnh hơn nữa việc phát triển nghề thủy sản ở nước ta. Có thể nêu lên một số dẫn liệu để chứng minh:

2) - Giống loài cá nước ngọt miền bắc nước ta khá phong phú. Đã xác định mô tả và phân loại được 203 loài cá nước ngọt trong đó có trên 30 loài có giá trị kinh tế. Đặc biệt ở nước ta có nhiều loài cá ăn thực vật có năng suất cao, có thể phát triển nuôi rộng rãi tận dụng nguồn thức ăn thực vật rất phong phú của nước nhiệt đới. Cụ thể: ở sông Hồng, dài 1200 km, có 170 loài cá, trong khi đó sông A-mua (Liên-xô) dài 4370 km nhưng chỉ có 103 loài, sông Hoàng-hà (Trung-quốc) dài 4845 km - có 135 loài, và sông Dương-tử (Trung-quốc) dài 5590 km (dài gấp 4,6 lần sông Hồng) nhưng số loài cá chỉ có 315 loài (chỉ gần gấp đôi số loài cá sông Hồng). Cá sông Hồng phát dục sớm, mắn đẻ, đặc biệt quanh năm đều thấy có các loài cá đẻ, nhưng

sức sinh sản thấp hơn. Cá chép sông A-mua, 3 - 4 tuổi mới phát dục, sông Dương-tử - 2 tuổi, sông Hồng - 1 tuổi đã phát dục. Cá sông Hồng sinh trưởng nhanh hơn cá phương bắc (đặc biệt những năm đầu trước khi thành thục thì sức lớn rất nhanh). Cá chép sông A-mua 2 tuổi dài 20,5 cm, sông Dương-tử 2 tuổi - 29,8 cm, sông Hồng 2 tuổi 43,0 cm (bằng cá chép sông Dương-tử 3 tuổi). Cá mè sông A-mua 2 tuổi - 27 cm, sông Hồng 2 tuổi - 40 cm, cá bống sông Dương-tử 1 tuổi - 12 cm, sông Hồng 1 tuổi - 26,4 cm.

3) - Về các loại thủy sinh vật là thức ăn của cá (Zooplankton, Phytoplankton, Benthos) giống loài cũng khá phong phú, chu kì phát triển ngắn. Theo thống kê chưa đầy đủ ở sông Đà có tới 211 loài, hồ Thác-bà - 177 loài, hồ Suối-hai 162 loài, hồ Văn-trục - 189 loài.

4) - Về kí sinh trùng cá ở miền bắc Việt-nam mới nghiên cứu chưa đầy đủ ở 16 loài cá đã phát hiện 125 loài. Ở sông A-mua nghiên cứu tương đối kĩ ở 59 loài cá đã phát hiện được 406 loài kí sinh trùng.

Những dẫn liệu vừa nêu trên cho thấy: sự phát triển sinh vật thủy sản ở miền bắc Việt-nam phù hợp với qui luật phát triển chung về sinh vật: càng về những vĩ độ phía nam thì thành phần giống loài càng phong phú, sức sinh trưởng nhanh, phát dục sớm nhưng số lượng cá thể của loài ít hơn, tuổi thọ ngắn.

5) - Về các chế độ thủy lí - hóa thì kết quả điều tra cho thấy tuy có khác nhau trong các thủy vực nhưng nói chung đều thích hợp cho cá và các loài thủy sinh vật là thức ăn của cá. Ở các ao của nhân dân, các ao có bốn phân thì hàm lượng chất hữu cơ, các muối dinh dưỡng phong phú hơn ở sông và ở ruộng; ngược lại ở ruộng hòa tan trong nước thì ở sông và hồ cao hơn, nhiệt độ nước ổn định hơn ở ao hồ. Đặc biệt ở những hồ chứa nước, sau khi ngập 1 - 2 năm thì hàm lượng hữu cơ và các muối dinh dưỡng tăng lên rất nhanh ảnh hưởng tốt đến sự phát triển các loại thức ăn cho cá.

..

Công tác điều tra nguồn lợi thủy sản nước ngọt trong thời gian qua đã phân nào phục vụ cho sản xuất và bảo vệ nguồn lợi, mặc dù vẫn đề này lúc đầu quan niệm chưa rõ nhưng dần dần đã được củng cố xác định rõ thêm và đã thu được một số kết quả sau đây:

a) Đã lên qui hoạch nuôi cá cho một số hồ chứa nước như Thác-bà, Văn-trục, Suối-hai, Khuôn-thần, Cẩm-sơn, v.v...; phát hiện kịp thời cho sản xuất những vấn đề cần giải quyết, ví dụ: qua điều tra ở hồ Thác-bà thấy vài năm đầu khi ngập nước thì hồ giàu thức ăn động vật phù du là thức ăn của cá mè hoa

(đạt đến 124 000 et/m³), thực vật phù du là thức ăn của cá mè trắng - 1 304 000 et/l (số liệu 1971) do đó đã xuất hiện tích cực thả nhiều cá giống vào hồ để khôi phục lại thực ăn. Tình hình cá dữ trong hồ khá nhiều cần phải tích cực loại trừ để bảo vệ cá nuôi. Có kết luận về khả năng sinh đẻ của một số loài cá ở hồ Thác-hà sau khi hình thành tuyến đập (như cá trôi), có khả năng không phải đi mua cá nơi khác hoặc cho đẻ nhân tạo để thả vào hồ khá tốn kém như trước đây nữa. Đối với các hồ đã nuôi cá như hồ Suối Hai, hồ Văn-trục, thì số liệu điều tra cho thấy: tỉ lệ thành phần, và số lượng cá thả vào hồ rất không hợp lý với tình hình thức ăn của hồ làm ảnh hưởng đến năng suất của hồ. Ví dụ năm 1969, ở hồ Suối-hai, đang li phải thả 30 vạn cá giống mè trắng (vì thức ăn thực vật phù du 690 000 et/l nhưng quốc doanh cá ở đây chỉ thả có 78 vạn con. Qua điều tra cũng đã xác định lại năng suất sản lượng, đề ra những biện pháp cải tạo, bảo vệ và khai thác hợp lý cho hai hồ này.

b) Kết quả điều tra góp phần xác định vị trí ở con giống đang phát triển nuôi rộng rãi trên khắp miền bắc: mè trắng, mè hoa, trắm, chép, rô phi, trôi, và đã xác định được hơn 50 bãi cá đẻ trên hệ thống sông Hồng.

c) Qua điều tra nhận thấy sản lượng cá sông ngày càng giảm sút do nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là do vấn đề khai thác không hợp lý và không đi đôi với bảo vệ nguồn lợi. Khi cá tập trung sống ở các ngòi, vũng, sông suối thì bị ruốc bặng chất độc và đánh mìn chết hàng loạt; khi cá đi đẻ thì đón đánh dọc đường trước khi cá lên tới bãi đẻ hoặc đánh ngay trong các bãi đẻ; sau khi cá đẻ xong thì trứng cá bị vớt về ướp ăn dần; cá bột nở trôi về xuôi thì bị vớt bừa bãi, lọc ép chỉ lấy cá mè, trôi để nuôi và làm chết hàng loạt cá khác. Cá trui (10 - 12 cm) vào các bãi ven sông vùng hạ lưu thì bị bắt đem về ăn và làm mắm. Cường độ đánh bắt cá lớn tăng, nhiều nghề đánh bắt cá nhỏ chưa đúng qui cỡ phát triển. Mặt khác các nhà máy ở các khu công nghiệp thải nước bẩn ra sông làm ảnh hưởng tới cá; đoạn sông ở Việt-tri dài 3 - 4 km do có phế phẩm nhà máy giấy thải ra làm cá bột chết, lượng cá mới ở ngã ba sông ít hẳn. Do đó cần có những biện pháp nghiên cứu chống sự ô nhiễm dòng sông.

Kết quả điều tra đã cung cấp những tài liệu cần thiết để Nhà nước ta ra chỉ thị về bảo vệ nguồn lợi cá nước ngọt và Chính phủ ta và Chính phủ Trung-quốc kí nghị định thư về bảo vệ nguồn lợi cá sông Hồng (1964).

d) - Những dẫn liệu về điều tra sinh học cá thể các loài cá, ngoài ý nghĩa phục vụ cho nghiên cứu cơ bản, còn có tác dụng tốt góp

phần vào việc nghiên cứu có kết quả kĩ thuật sinh sản nhân tạo các loài cá mè, trôi, trắm. Đặc tính của những loài cá này không dễ trong ao nên phải đi vớt ở sông về nuôi, do đó trước khi muốn nghiên cứu bắt chúng phải để trong ao bằng phương pháp nhân tạo một cách chủ động. Từ điều tra đã cử cán bộ đến các sông, bãi đẻ, điều tra tính di cư, lưu tốc dòng nước, nhiệt độ, chất đáy, chất nước... quan sát tập tính sinh đẻ của cá, giải phẫu xem các giai đoạn phát triển của trứng v.v... Trên cơ sở đó áp dụng vào việc nghiên cứu cho đẻ nhân tạo thành công. Đến nay, toàn miền bắc đang ứng dụng rộng rãi kĩ thuật này trong sản xuất.

Qua điều tra không thấy có cá mè hoa và trắm cỏ ở sông Hồng. Riêng cá trắm cỏ chỉ thấy có trứng và cá con ở sông Kì-cùng, sau đó cá con lại xuôi về Trung-quốc. Do đó đã đề xuất việc cho nghiên cứu để nhân tạo và thả hai loại cá này vào sông Hồng. Đến nay đã vớt được cá con và đánh bắt được cá lớn mè hoa, trắm cỏ trong sông Hồng.

Điều tra sức sinh sản, các giai đoạn phát triển của trứng cá mè, trắm cỏ đã góp phần vào việc nghiên cứu cho những loài cá này đẻ không phải một lần trong năm mà cho đẻ tái phát dục 2 - 3 lần, giải quyết khó khăn về cá giống.

Trên cơ sở điều tra kĩ sinh trùng, đã nghiên cứu phòng trị có kết quả một số bệnh cá quan trọng như trùng mỏ neo, trùng bánh xe v.v...

Những kết quả điều tra một phần cũng đã được đưa vào các giáo trình giảng dạy ở các trường trung và đại học thủy sản, nhưng chưa được nhiều, vì phần lớn các kết quả điều tra chưa được tổng kết, công bố để làm cơ sở vững chắc cho việc áp dụng trong giảng dạy.

Từ chỗ hầu như tay không, mọi cái đều mò mẫm, đến nay đã đào tạo bồi dưỡng được một đội ngũ cán bộ làm công tác điều tra trưởng thành về các mặt: số lượng, chất lượng, tư tưởng... duy trì được công tác điều tra tương đối liên tục.

Qua hơn 20 năm điều tra nguồn lợi thủy sản nước ngọt, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

1 - Việc xác định và quán triệt mục đích yêu cầu, phương hướng điều tra là cần thiết nhưng không phải một lúc có thể hiểu được một cách đầy đủ, do đó không nên cầu toàn, mà cần tổ chức thực hiện và bổ sung dần.

2 - Nhất quán phương pháp điều tra từ đầu đến cuối, cải tiến và áp dụng những phương pháp mới để nâng cao năng suất điều tra.

3 - Có gắng tiến hành điều tra đồng bộ, toàn diện, nhưng nếu điều kiện chưa cho phép thì cần chú ý những vấn đề vướng mắc

trong sản xuất để tổ chức điều tra trước, không chờ đợi đủ mới làm. Trong một thủy vực có khi chỉ điều tra một vấn đề (ví dụ: khả năng sinh sản của một loài cá), còn các vấn đề khác như các yếu tố môi trường, sinh vật, thủy lý-hóa, bệnh cá,... sẽ điều tra bổ sung sau.

4 - Quan hệ giữa điều tra nghiên cứu và thực tế sản xuất gắn chặt với nhau, phục vụ cho nhau, nhưng đồng thời cũng có giới hạn phân biệt những nhiệm vụ khác nhau. Ví dụ:

- Muốn nghiên cứu có kết quả kỹ thuật sinh sản nhân tạo cá mè, trôi, tằm thì trước hết cần có những số liệu điều tra cơ bản về tập tính sinh lý, sinh thái,... Khi nghiên cứu, dùng những số liệu này có thể có những vấn đề yêu cầu điều tra xác minh lại thêm cho rõ hơn.

- Kết quả điều tra kỹ sinh trùng đã phát hiện thấy những loài phổ biến, nguy hiểm, cần nghiên cứu phòng trị, và trong khi nghiên cứu lại có thể phải điều tra bổ sung đặc điểm sinh học của kỹ sinh trùng thì mới phòng trị có kết quả.

- Kết quả điều tra đã xác minh: không có cá trắm cỏ và cá mè hoa trong sông Hồng, thì cơ quan nghiên cứu phải giải quyết có giống, để cơ quan sản xuất dùng giống này thả vào sông, sau đó kiểm tra lại kết quả này...

5 - Cần xác định rõ nhiệm vụ quan hệ và ranh giới giữa điều tra với qui hoạch. Điều tra cơ bản để có số liệu phục vụ qui hoạch, nhưng nhiều khi số liệu điều tra cơ bản thủy sản chưa đủ để lên qui hoạch mà cần có những điều tra khác như thủy lợi, thủy văn, địa chất... do đó cần tổ chức điều tra và qui hoạch đầy đủ. Số liệu điều tra cơ bản có thể dùng ở phạm vi rộng rãi hơn còn qui hoạch thì đi vào cụ thể một diêm, một vùng nào đó.

6 - Cần nhanh chóng tổng kết, công bố kịp thời và quy định sử dụng những kết quả của điều tra vào nghiên cứu, sản xuất, giảng dạy.

7 - Về tổ chức, không nên cầu toàn. Phải bám sát khả năng thực tế về cán bộ, trang thiết bị để tổ chức công tác điều tra hợp lý và bổ sung thêm dần. Phải có đủ các bộ môn để tránh lãng phí và có thể tập trung dứt điểm. Việc phối hợp và phân công giữa các cơ quan trong quá trình điều tra thường có nhiều phức tạp, cần phải có cơ quan có đủ thẩm quyền đứng ra chủ trì để mạng lưới điều tra cơ bản rộng hơn, tốc độ nhanh hơn.

Công tác điều tra thủy sản nước ngọt trong thời gian tới, theo tôi phải phục vụ cho những yêu cầu sau đây:

- Phân vùng, qui hoạch phát triển nuôi, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản hợp lý để không ngừng nâng cao năng suất thủy vực.

- Phục vụ cho công tác kế hoạch hóa nghề sản xuất thủy sản nước ngọt trước mắt và lâu dài một cách vững chắc, có cơ sở.

- Phục vụ cho công tác chỉ đạo và quản lý về các mặt: kỹ thuật, sản xuất, kinh tế.

- Phục vụ cho công tác nghiên cứu, sản xuất, giảng dạy và đào tạo.

Nhiệm vụ của công tác này là: cần nhanh chóng tổng kết toàn bộ công tác điều tra từ trước tới nay, đánh giá đầy đủ và toàn diện những kết quả đã thu được để thấy rõ hơn những việc đã làm được và những vấn đề còn tồn tại cần giải quyết tiếp, nhằm phục vụ cho sản xuất đặc lực hơn và nâng cao lý luận về những qui luật sinh vật học thủy sản nhiệt đới.

Trên cơ sở đó, tiếp tục hoàn thành công tác điều tra thủy sản nước ngọt một cách có hệ thống, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm ở các thủy vực: hồ chứa, sông ngòi, ao đầm, ruộng. Lấy việc điều tra phục vụ trước mắt làm chính, kết hợp chặt chẽ với lâu dài.

Nhiệm vụ và bước đi của công tác này có thể chia 2 giai đoạn:

1 - Giai đoạn từ 1975 - 1980:

Hoàn thành điều tra một số hồ chứa trọng điểm, điển hình và tiêu biểu ở các vùng trên toàn quốc. Đồng thời từng bước tiến hành điều tra sông, ao đầm và ruộng.

Điều tra lên qui hoạch nuôi cá cho một số vành đai thủy sản trọng điểm phục vụ thực phẩm cho thành phố, khu công nghiệp tập trung.

2. Giai đoạn từ 1980 - 1985:

- Tiếp tục và hoàn thành công tác điều tra sông ngòi, ao, đầm, ruộng và các vành đai thủy sản như đã nêu trên.

- Tổng kết toàn bộ công tác điều tra thủy sản nước ngọt.

Những năm tiếp theo, công tác điều tra thủy sản nước ngọt sẽ được tiếp tục nhưng chỉ là điều tra bổ sung là chính.

Nội dung điều tra:

- Điều kiện tự nhiên và môi trường (địa hình, lịch sử, hình thành thủy vực, thủy lý - hóa...).

- Thủy sinh vật là cơ sở thức ăn của cá và các thủy sản khác (sinh vật nổi, sinh vật đáy, thực vật thủy sinh...).

- Sinh thái ngư loại: (khu hệ cá, sinh thái cá thể, trữ lượng, bãi đẻ...).

- Đặc sản nước ngọt (các giống loài, đặc tính sinh học, sản lượng, trữ lượng...).

- Kỹ sinh trùng và bệnh cá (khu hệ kỹ sinh trùng, đặc điểm sinh học, tình hình dịch bệnh...).

- Kỹ thuật và kinh nghiệm nuôi, khai thác cá.

∴

Để đảm bảo tổ chức thực hiện được công tác điều tra nguồn lợi thủy sản nước ngọt đã nêu trên cần tổ chức những đoàn điều tra với lực lượng thích hợp, các đoàn điều tra trực thuộc Viện nghiên cứu Thủy sản. Trong khi chưa có Viện thì trực thuộc Cục nuôi Cá nước ngọt (Bộ Nông nghiệp).

Trước hết, cũng cần lực lượng điều tra hiện có, tích cực bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề để trở thành nòng cốt, từ đó xây dựng một số tổ điều tra khác.

Cần có một tổ qui hoạch nằm trong đoàn điều tra để giải quyết vấn đề qui hoạch và theo dõi việc thực hiện các qui hoạch nuôi, khai thác và bảo vệ nguồn lợi cá nước ngọt.

Ngoài lực lượng điều tra chuyên trách cần có sự phối hợp chặt chẽ với các trường đại học: Thủy sản, Tổng hợp, Sư phạm, Trường trung cấp Thủy sản; sử dụng hợp lý lực lượng học sinh tham gia công tác điều tra. Có sự phân công cụ thể để khỏi trùng lặp. Cố gắng phối hợp với các địa phương để đảm nhiệm một phần công tác điều tra, muốn vậy cần tăng cường thêm cán bộ và một số dụng cụ tối thiểu để địa phương có thể làm điều tra được.

Các quốc doanh nuôi thủy sản đều có cán bộ kỹ thuật có thể phối hợp ở mức độ nhất định để giải quyết công tác điều tra.

Phải thống nhất các phương pháp điều tra, lấy điều tra khoa học làm chính kết hợp với điều tra kinh nghiệm nhân dân. Chú ý cải tiến và ứng dụng những phương pháp điều tra mới để đẩy mạnh tốc độ và nâng cao năng suất của công tác điều tra.

Căn cứ vào các đặc điểm tự nhiên, thời tiết, khí hậu, cấu tạo nền đáy... cần phân chia ra các vùng lớn, trong các vùng lớn sẽ căn cứ vào ý nghĩa kinh tế, khả năng phát triển giống loài thủy sản... để chọn ra một số điểm điển hình của một số mặt nước tiêu biểu để tiến hành điều tra. Sau đó, lên qui hoạch và áp dụng chung cho vùng, khi cần sẽ điều tra bổ sung ở những điểm cần thiết.

Ở các tỉnh phía bắc có thể dự kiến chia ra 5 vùng lớn như sau:

1. Vùng Đông-bắc, gồm: Hoàng-liên-sơn, Cao-lạng, Móng cái.

2. Vùng Tây-bắc, gồm: Lai-châu, Sơn-la, Nghĩa-lộ (cũ), Hòa-bình (cũ).

3. Vùng trung du Bắc-bộ, gồm: Thái-nguyên, Vĩnh-phú, Sơn-tây (cũ), Tuyên-quang và Bắc-giang (cũ).

4. Vùng đồng bằng Bắc-bộ gồm: Hà-nội, Hải-hưng, Hải-phòng, Hà-đồng (cũ), Bắc-ninh (cũ), Thái-bình, Hà-nam-ninh.

5. Khu 4 cũ, gồm: Thanh-hóa, Nghệ-lĩnh, Quảng-bình (cũ), khu vực Vĩnh-linh.

∴

Nước nhà đã thống nhất, cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội, vị trí của nghề cá nước ngọt nói riêng và nghề khai thác thủy sản nói chung càng được xác định rõ nét. Để đẩy mạnh nghề nuôi trồng thủy sản nước ngọt cần đẩy mạnh hơn nữa công tác điều tra cơ bản trong lĩnh vực này.

Để có thể làm tốt công tác này cần có một cơ quan có đủ quyền lực chủ trì công tác điều tra thủy sản nước ngọt, tập hợp mọi lực lượng, phân công, kiểm tra, đôn đốc, thực hiện, tổng kết đánh giá kết quả để bổ sung và hoàn chỉnh công tác điều tra. Tiên tới thành lập Viện Thủy sản nước ngọt. Mặt khác, tạo điều kiện công bố, xuất bản những tài liệu đã điều tra được để việc sử dụng được rộng rãi hơn, để các kết quả điều tra được duyệt và xuất bản kịp thời để được thiết thực sử dụng trong sản xuất, nghiên cứu và giảng dạy.